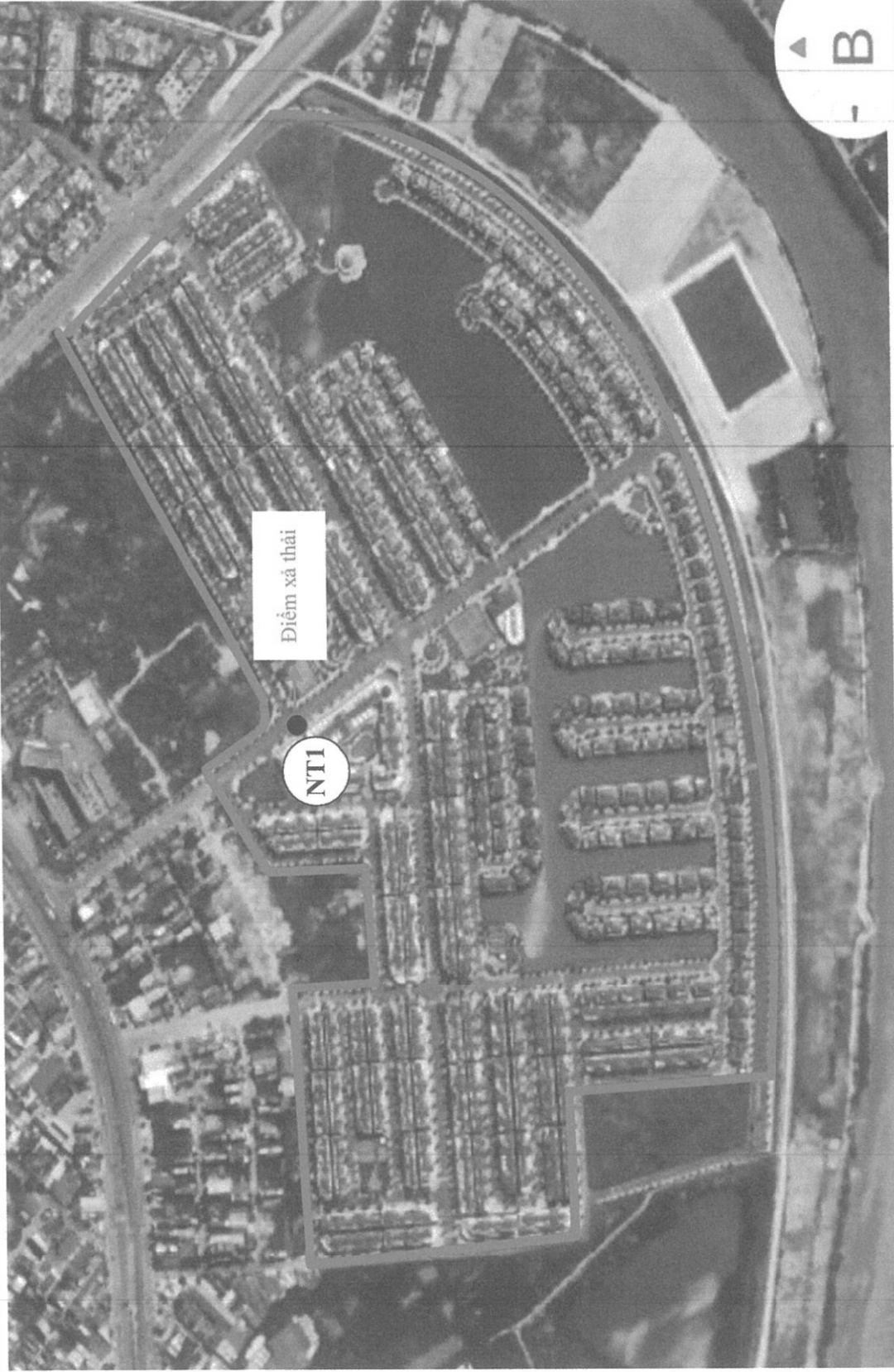


Ghi chú:

Ngày quan trắc: 27/3/2025

ĐKT: Trời nhiều mây ; nhiệt độ TB 24°C; độ ẩm tương đối 90%;

áp suất 101,2 kPa; hướng gió chủ đạo Đông Nam, tốc độ gió 1,8m/s.

NT1: Vị trí quan trắc và lấy mẫu nước thải.

SỐ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC LẤY MẪU	
Khách hàng: Chi nhánh tại Hải Phòng - Công ty cổ phần Vinhomes Địa điểm: Khu đô thị Vinhomes Marina, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	
SỐ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	GIÁM ĐỐC
	
THỰC HIỆN	KIỂM TRA
	
PHẠM VĂN HÙNG	NGUYỄN VĂN TIẾP

ĐÀM VĂN QUỲNH

Số: 247 /2025/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/
Name of sample : Mẫu nước thải.

Ngày lấy mẫu/
Date of sampling : 27/3/2025

Tên khách hàng/
Name of clients : Chi nhánh tại Hải Phòng – Công ty
Cổ phần Vinhomes.

Ngày phân tích/
Date of test : 27/3/2025

Địa điểm lấy mẫu/
Place of sample : Khu đô thị Vinhomes Marina – đường Võ Nguyên Giáp, phường
Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối trên góc đường phía Đông Bắc khu đô thị (gần Miếu Linh Từ), trước khi đầu nối vào cống hộp 1500x1500 (cống thoát nước hiện trạng của khu dân cư lân cận khu đô thị). Tọa độ: 2303396.880X; 597459.660Y. (NT1)	0327374

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 11 tháng 4 năm 2025.

TM. NHÓM QT&PT

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Phạm Duy Dương

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp

Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

Số: 247 /2025/KQQT

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH RESULTS OF MONITORING AND ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A, K=1) ⁽¹⁾
				0327374	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,81	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	3,1	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (*)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	17,8	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	QT-HT.02 ^(#)	mg/l	430,0	500
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023 MDL = 0,032mg/l	mg/l	ND	1
6	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,069	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/l	6,5	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,64	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540B&C:2023	mg/l	0,082	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) (*)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,25	6
11	Tổng Coliforms	SMEWW 9221B:2023	mg/l	700	3000

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- ⁽¹⁾ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt/ National technical regulation on domestic wastewater.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM